

CÔNG TY CỔ PHẦN TK - XD - TM PHÚC THỊNH

-----o0o-----

Số: 19/PT-2019

V/v: Giải trình LNST của BCTC bán niên soát xét năm 2019
thay đổi từ 10% trở lên so với BCTC bán niên soát xét năm 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

TP. HCM, ngày 28 tháng 08 năm 2019

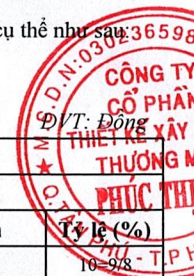
Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Cổ phiếu: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI PHÚC THỊNH
Mã cổ phiếu: PTD
Địa chỉ: 361 Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, TP.HCM
Mã số thuế: 0302365984
Người đại diện: Ông TÔ KHẢI ĐẠT Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC có hiệu lực ngày 01/01/2016 của Bộ tài chính về việc công bố thông tin định kỳ của tổ chức niêm yết quy định giải trình cụ thể khi LNST của BCTC bán niên soát xét năm 2019 thay đổi từ 10% trở lên so với BCTC bán niên soát xét năm 2018.

Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh ợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại LNST của BCTC bán niên soát xét năm 2019 thay đổi từ 10% trở lên so với BCTC bán niên soát xét năm 2018 cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
		6 THÁNG NĂM 2019				6 THÁNG NĂM 2019			
		Năm nay	Năm trước	Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)	Năm nay	Năm trước	Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	378.204.926.790	40.998.021.079	337.206.905.711		423.545.338.950	45.358.982.471	378.186.356.479	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02								
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	378.204.926.790	40.998.021.079	337.206.905.711	822%	423.545.338.950	45.358.982.471	378.186.356.479	834%
4. Giá vốn hàng bán	11	332.854.349.209	35.073.817.018	297.780.532.191		375.711.612.911	37.997.311.004	337.714.301.907	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	45.350.577.581	5.924.204.061	39.426.373.520	666%	47.833.726.039	7.361.671.467	40.472.054.572	550%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.072.568.706	251.925.501	820.643.205		1.152.354.259	251.925.501	900.428.758	
7. Chi phí tài chính	22	4.293.408.592	2.452.088.489	1.841.320.103		3.645.391.507	2.452.088.489	1.193.303.018	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	3.416.824.282	2.452.088.489	964.735.793		3.416.824.282	2.452.088.489	964.735.793	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết						(648.017.085)	(1.377.510.696)		
9. Chi phí bán hàng	25	8.971.573.733	532.485.000	8.439.088.733		8.971.573.733	532.485.000	8.439.088.733	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.317.915.036	9.491.908.143	14.826.006.893		25.628.040.581	10.822.913.533	14.805.127.048	



CHỈ TIÊU	Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
		6 THÁNG NĂM 2019				6 THÁNG NĂM 2019			
		Năm nay	Năm trước	Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)	Năm nay	Năm trước	Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) - (25+26))	30	8.840.248.926	(6.300.352.070)	15.140.600.996	240%	10.093.057.392	(7.571.400.750)	16.934.964.531	224%
12. Thu nhập khác	31	170.552.439	7.139.817	163.412.622		243.963.122	7.166.580	236.796.542	
13. Chi phí khác	32	177.261.759	1.756.839.884	(1.579.578.125)		177.261.759	1.756.839.884	(1.579.578.125)	
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 -32)	40	(6.709.320)	(1.749.700.067)	1.742.990.747	-100%	66.701.363	(1.749.673.304)	1.816.374.667	104%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	8.833.539.606	(8.050.052.137)	16.883.591.743	210%	10.159.758.755	(9.321.074.054)	18.751.339.198	201%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.290.129.344	62.545.455	2.227.583.889		2.784.487.874	106.155.069	2.678.332.805	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-				-	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 -52)	60	6.543.410.262	(8.112.597.592)	14.656.007.854	181%	7.375.270.881	(9.427.229.123)	16.073.006.393	170%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số						332.744.248	25.151.666	307.592.582	-1223%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ						7.042.526.633	(9.452.380.789)	16.494.907.422	175%
19. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)						2.162	(2.997)	5.159	

BCTC CÔNG TY MẸ

- Doanh thu tăng cao do Công ty có ký được hợp đồng thương mại xuất khẩu nguyên vật liệu xây dựng sang Cambodia trị giá 12 triệu Đô La Mỹ, cùng với mô hình quản lý tốt dẫn đến lợi nhuận tăng cao trong quý

BCTC HỢP NHẤT

- Lợi nhuận chủ yếu đến từ Công ty mẹ.

Trân Trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu P. Kế toán

